

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I- NĂM HỌC 2024- 2025**  
**MÔN: CÔNG NGHỆ 12: LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN**

**BÀI 6. Ý NGHĨA, NHIỆM VỤ, THỰC TRẠNG CỦA VIỆC BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC RỪNG**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án**

**Câu 1.** Nội dung nào sau đây không thuộc nhiệm vụ của chủ rừng đối với công tác bảo vệ rừng?

- A. Xử lý các vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.
- B. Bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng, hệ sinh thái rừng.
- C. Phòng, trừ sinh vật gây hại rừng.
- D. Theo dõi diễn biến rừng theo quy định của pháp luật.

**Câu 2.** Phát biểu nào sau đây không đúng về ý nghĩa của bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững?

- A. Bảo tồn nguồn gene sinh vật rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.
- B. Làm tăng diện tích đồng cỏ chăn nuôi.
- C. Duy trì và nâng cao chức năng bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, điều hoà khí hậu của rừng.
- D. Góp phần tạo việc làm và cải thiện sinh kế vùng nông thôn.

**Câu 3.** Nhận định nào sau đây là không đúng khi nói về nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường trong trồng trọt?

- A. Lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật và hoá chất trong xử lý đất.
- B. Sử dụng phân bắc, phân chuồng tươi không qua xử lý.
- C. Sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật có độ độc cao và không rõ nguồn gốc.
- D. Sử dụng phân hoá học đúng cách và đúng liều lượng quy định.

**Câu 4.** Có các nhận định về ý nghĩa của bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững như sau

- (1) Tăng diện tích rừng trồng thuần loài.
- (2) Duy trì và nâng cao chức năng phòng hộ và bảo vệ môi trường.
- (3) Bảo tồn đa dạng sinh học.
- (4) Duy trì và nâng cao chức năng sản xuất của rừng.
- (5) Góp phần tạo việc làm và cải thiện sinh kế cho những hộ gia đình sống gần rừng.

Các nhận định đúng:

- A. (2), (3), (4), (5).
- B. (1), (2), (4), (5).
- C. (1), (2), (3), (4).
- D. (1), (3), (4), (5).

**Câu 5.** Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về thực trạng bảo vệ rừng ở nước ta trong những năm gần đây?

- A. Bảo vệ và phát triển được vốn rừng quốc gia, duy trì ổn định diện tích rừng tự nhiên, tăng diện tích rừng trồng.
- B. Chưa triển khai công tác cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.
- C. Nhận thức và trách nhiệm người dân đối với công tác bảo vệ rừng được nâng lên rõ rệt.
- D. Đã thực hiện thành công chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

**Câu 6.** Trong công tác bảo vệ rừng, chủ rừng cần có nhiệm vụ

- A. giải quyết tranh chấp liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp.

B. chỉ đạo thực hiện kiểm kê rừng tại địa phương.

C. chỉ đạo thực hiện phòng cháy và chữa cháy rừng tại địa phương.

D. phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo vệ hệ sinh thái rừng theo quy định của pháp luật.

**Câu 7.** Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về nhiệm vụ của các bên liên quan trọng công tác bảo vệ rừng?

A. Chủ rừng cần chấp hành sự quản lí, thanh tra, kiểm tra, xử lí vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

B. Người dân cần có trách nhiệm theo dõi diễn biến rừng

C. Người dân cần có trách nhiệm thông báo kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ rừng về các hành vi vi phạm quy định về quản lí, bảo vệ rừng.

D. Các cấp quản lí cần tổ chức, chỉ đạo thực hiện điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng,

**Câu 8.** Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về thực trạng bảo vệ rừng ở nước ta trong những năm gần đây?

A. Công tác cấp chứng chỉ quản lí rừng bền vững ở nước ta đã được quan tâm và nhân rộng.

B. Tài nguyên rừng giảm cả về diện tích và chất lượng rừng.

C. Số lượng các khu bảo tồn thiên nhiên giảm.

D. Số vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng tăng rõ rệt.

**Câu 9.** Nội dung nào sau đây không thuộc nhiệm vụ của khai thác tài nguyên rừng bền vững?

A. Nâng cao khả năng chống xói mòn của rừng.

B. Đảm bảo thực hiện các biện pháp tái sinh rừng và trồng lại rừng sau khai thác.

C. Tuân thủ nghiêm ngặt quy định của pháp luật đối với khai thác các khối lớn thực vật rừng quý, hiếm

D. Áp dụng kĩ thuật khai thác phù hợp nhằm hạn chế tác động xấu tới môi trường rừng và đa dạng sinh học, duy trì được chức năng phương ngữ của rừng

**Câu 10.** Dưới đây là các nội dung đánh giá về thực trạng bảo vệ rừng ở nước ta trong những năm gần đây.

(1) Đã thực hiện thành công chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

(2) Không xảy ra cháy rừng

(3) Ngăn chặn có hiệu quả nạn chặt phá rừng khai thác tài nguyên rừng trái phép và cháy rừng

(4) Duy trì ổn định diện tích rừng tự nhiên, tăng diện tích rừng trồng

(5) Nhận thức và trách nhiệm của các ngành, các cấp đối với công tác bảo vệ rừng được nâng lên rõ rệt

Các phát biểu đúng là

A. (1), (2), (3), (5).

B. (1), (3), (4), (5).

C. (2), (3), (4), (5).

D. (1), (2), (4), (5).

**Câu 11.** Có các phát biểu về nhiệm vụ của khai thác tài nguyên rừng như sau:

(1) Sản lượng gỗ của loài được khai thác không lớn hơn sản lượng gỗ của loài đó.

(2) Tuân thủ nghiêm ngặt quy định của pháp luật đối với việc khai thác các loài động, thực vật rừng quý, hiếm và các loài được ưu tiên bảo vệ.

(3) Đảm bảo thực hiện các biện pháp tái sinh rừng và trồng lại rừng sau khai thác.

(4) Mở rộng diện tích chăn thả gia súc.

(5) Duy trì được chức năng phòng hộ của rừng.

Cần nhận định đúng là

A. (1), (3), (4), (5).

B. (2), (3), (4), (5).

C. (1), (2), (3), (5).

D. (1), (2), (4), (5).

**Câu 12.** Chủ rừng không gồm những đối tượng nào dưới đây:

A. Ban quản lý rừng phòng hộ.

B. Hội phụ nữ.

C. Hộ gia đình, cá nhân trong nước.

D. Tổ chức kinh tế.

**Câu 13.** Bảo vệ tài nguyên rừng có ý nghĩa nào sau đây?

A. Nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên rừng.

B. Phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

C. Bảo tồn nguồn gene các loài động vật, thực vật quý hiếm.

D. Nâng cao diện tích rừng, cung cấp lâm sản cho nhu cầu của con người.

**Câu 14.** Bảo vệ rừng là nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân nào sau đây?

A. Toàn dân.

B. Chủ rừng.

C. Các cơ quan quản lý rừng.

D. Chủ rừng và các cơ quan quản lý rừng.

**Câu 15.** Một trong những nhiệm vụ của người dân trong bảo vệ rừng là

A. Xây dựng và thực hiện phương án, biện pháp bảo vệ hệ sinh thái rừng.

B. Chấp hành sự huy động nhân lực, phương tiện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi xảy ra cháy rừng.

C. Tổ chức, chỉ đạo việc phòng cháy, chữa cháy rừng.

D. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật.

**Câu 16.** Một trong những nhiệm vụ của chủ rừng trong bảo vệ rừng là

A. phòng trừ sinh vật gây hại rừng theo đúng quy định.

B. thông báo kịp thời cho người dân về cháy rừng

C. tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

D. xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.** Trong buổi hoạt động ngoại khoá của một nhóm học sinh tại Vườn quốc gia Ba Vì, cán bộ quản lý Vườn Quốc gia cho nhóm học sinh thảo luận về chủ đề "nhiệm vụ khai thác tài nguyên rừng bền vững". Dưới đây là một số ý kiến trong buổi thảo luận:

a) Chỉ được khai thác động vật rừng.

b) Khai thác lâm sản trong mỗi loại rừng cần thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.

c) Được khai thác tất cả những cây rừng đã thành thực.

d) Cần tuân thủ nghiêm ngặt quy định của pháp luật đối với việc khai thác các loài động, thực vật rừng quý, hiếm và các loài được ưu tiên bảo vệ.

**Câu 2.** Để góp phần bảo vệ tài nguyên rừng bền vững, một nhóm học sinh đã thảo luận và đề xuất cần nghiêm cấm một số hành vi như sau:

a) Chăn thả gia súc ở khu vực bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, rừng mới trồng.

b) Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên như vườn quốc gia, khu bảo tồn loài sinh cảnh.

c) Đốt rừng lấy đất trồng cây công nghiệp và cây ăn quả.

d) Săn bắt, nuôi nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng.

## **BÀI 7. BIỆN PHÁP BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC TÀI NGUYÊN RỪNG**

### **PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án**

**Câu 1.** Nội dung nào sau đây đúng khi nói về phục hồi rừng sau khai thác?

- A.** Rừng được khai thác bằng phương thức khai thác trắng sẽ tự phục hồi nhờ sự tái sinh tự nhiên của cây rừng.
- B.** Để phục hồi rừng sau khi khai thác bằng phương thức khai thác dần cần tiến hành trồng rừng.
- C.** Tất cả các phương thức khai thác, để phục hồi rừng sau khi khai thác đều phải tiến hành trồng rừng.
- D.** Rừng được khai thác bằng phương thức khai thác chọn sẽ tự phục hồi nhờ sự tái sinh tự nhiên của cây rừng.

**Câu 2.** Bảo vệ tài nguyên rừng cần tập trung vào một số biện pháp sau:

- (1) Chủ động thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.
- (2) Mở rộng diện tích trồng cỏ cho chăn nuôi.
- (3) Duy trì và củng cố hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên.
- (4) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng.
- (5) Ngăn chặn các hành vi gây suy thoái tài nguyên rừng.

Các phát biểu đúng là:

- A. (1), (3), (4), (5).
- B. (2), (3), (4), (5).
- C. (1), (2), (4), (5).
- D. (1), (2), (4), (5).

**Câu 3.** Nội dung nào không thuộc biện pháp nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên rừng cho người dân?

- A.** Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng cho người dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.
- B.** Lòng ghép tuyên truyền các quy định về bảo vệ rừng trong các buổi họp thôn bản, các lễ hội truyền thống.
- C.** Khuyến khích người dân sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ gỗ.
- D.** Xây dựng các bảng tin, biển tuyên truyền về lợi ích của rừng, ý nghĩa của bảo vệ rừng ở nơi công cộng.

**Câu 4.** Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về nhiệm vụ của người dân trong công tác bảo vệ tài nguyên rừng?

- A.** Phòng trừ sinh vật gây hại rừng theo đúng quy định.
- B.** Thông báo kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền hoặc chủ rừng về cháy rừng.
- C.** Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.
- D.** Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn.

**Câu 5.** Để bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững, cần nghiêm cấm hành vi nào sau đây?

- A.** Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên như vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên.
- B.** Áp dụng các kỹ thuật khai thác phù hợp để bảo đảm hài hoà giữa lợi ích kinh tế với lợi ích phòng hộ và bảo vệ môi trường.
- C.** Kết hợp bảo vệ và phát triển rừng với khai thác hợp lý để phát huy hiệu quả lan tài nguyên rừng.

**D.** Chăn thả gia súc vào rừng đặc dụng, rừng mới trồng.

**Câu 6.** Để nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên rừng cho người dân, cần thực hiện hoạt động nào sau đây?

**A.** Tăng cường hoạt động trồng rừng, trồng cây xanh ở khu vực đô thị và nông thôn.

**B.** Tổ chức tuyên truyền về vai trò, giá trị của rừng đối với đời sống và môi trường.

**C.** Tăng cường công tác tuần tra, giám sát để phát hiện và ngăn chặn các hành vi chặt phá rừng.

**D.** Làm hàng rào bảo vệ rừng và phòng trừ sinh vật gây hại rừng.

**Câu 7.** Vì sao trồng cây xanh ở khu vực đô thị và nông thôn lại có tác dụng bảo vệ tài nguyên rừng?

**A.** Tạo ra nguồn gỗ cung cấp cho nhu cầu của con người, nhờ đó giảm nhu cầu khai thác gỗ từ rừng.

**B.** Tạo nguồn cây giống cung cấp cho trồng rừng.

**C.** Tạo lá chắn bảo vệ tài nguyên rừng.

**D.** Tạo môi trường sống trong lành cho con người.

**Câu 8.** Cho các hoạt động như sau:

(1) Trồng cây xanh trong khuôn viên các trụ sở, trường học.

(2) Trồng cây xanh trong các nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp.

(3) Tuyên truyền, giáo dục ý thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân đối với việc chấp hành pháp luật về lâm nghiệp.

(4) Khuyến khích người dân trồng cây ăn quả, cây công nghiệp trên đất rừng.

(5) Tăng cường chăn thả gia súc trong các khu rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn.

(6) Trồng cây trên vỉa hè đường phố, công viên.

Các hoạt động có vai trò bảo vệ tài nguyên rừng là:

**A.** (1), (2), (3), (4).

**B.** (1), (2), (3), (6).

**C.** (1), (2), (3), (5).

**D.** (1), (2), (4), (6).

**Câu 9.** Hoạt động nào sau đây có tác dụng ngăn chặn các hành vi làm suy thoái tài nguyên rừng?

**A.** Tổ chức tuyên truyền về vai trò, giá trị của rừng trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu.

**B.** Trồng cây xanh trên vỉa hè, vườn hoa, quảng trường.

**C.** Lắp đặt các biển báo ở khu vực có nguy cơ cao cháy rừng.

**D.** Tuần tra, giám sát để ngăn chặn hoạt động săn bắt thú rừng trái phép.

**Câu 10.** Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về các biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng?

**A.** Xây dựng các rừng quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên để phòng, chống cháy rừng.

**B.** Trồng cây xanh ở khu vực đô thị và nông thôn để nâng cao ý thức bảo vệ rừng.

**C.** Làm hàng rào bảo vệ để ngăn chặn các hành vi làm suy thoái tài nguyên rừng.

**D.** Lắp đặt các biển báo ở khu vực có nguy cơ cao cháy rừng để nâng cao đa dạng tài nguyên rừng.

**Câu 11.** Việc xây dựng và bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên có vai trò nào sau đây?

**A.** Thu hẹp diện tích rừng thuận lợi cho việc quản lí.

**B.** Mở rộng diện tích trồng rừng.

**C.** Bảo tồn đa dạng sinh học.

**D.** Giúp người dân nâng cao ý thức bảo vệ rừng.

**Câu 12.** Để phục hồi rừng sau khai thác trắng cần phải tiến hành hoạt động nào sau đây?

**A.** Bón phân cho cây rừng.

**B.** Trồng rừng.

C. Tưới nước cho cây rừng.

D. Chăm sóc rừng.

**Câu 13.** Trong các phương thức khai thác tài nguyên rừng, khai thác dần là

A. Chặt toàn bộ cây rừng ở một khu vực nhất định trong nhiều mùa khai thác.

B. Chặt toàn bộ cây rừng ở một khu vực nhất định trong một mùa khai thác.

C. Chọn chặt những cây đã thành thực.

D. Chọn chặt những cây già cỗi, cây bị sâu bệnh.

**Câu 14.** Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về phương thức khai thác dần?

A. Thường áp dụng với rừng phòng hộ đầu nguồn.

B. Rừng sẽ tự phục hồi nhờ sự tái sinh tự nhiên của cây rừng.

C. Thường áp dụng ở nơi có độ dốc cao, lượng mưa nhiều.

D. Khai thác đến đâu trồng lại rừng đến đó.

**Câu 15.** Khai thác chọn là phương thức khai thác nào sau đây?

A. Chọn chặt các cây sâu bệnh, giữ lại những cây khoẻ mạnh.

B. Chọn những khu vực có nhiều cây thành thực để khai thác trước.

C. Chọn chặt các cây đã thành thực, giữ lại những cây còn non.

D. Chọn những khu vực có nhiều cây bị sâu bệnh để khai thác trước.

**Câu 16.** Nội dung nào sau đây đúng khi nói về phương thức khai thác chọn?

A. Ưu tiên khai thác những cây già cỗi, cây bị sâu bệnh.

B. Không hạn chế thời gian, số lần khai thác.

C. Thực hiện trước khi tiến hành khai thác trắng.

D. Chỉ áp dụng ở những nơi có độ dốc cao, lượng mưa nhiều.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.** Một khu rừng phong hồ, đầu nguồn phân bố tại nơi có độ dốc trên 15 độ. Khi khu rừng đủ điều kiện và được phép khai thác, người ta đưa ra những nhận định về phương thức khai thác rừng nên áp dụng cho khu rừng như sau:

a) Khai thác trắng toàn bộ diện tích rừng.

b) Khai thác chọn với điều kiện duy trì được khả năng phòng hộ của rừng sau khai thác.

c) Khai thác chọn tất cả những cây gỗ lớn chỉ để lại cây bụi và cây gỗ nhỏ.

d) Khai thác trắng toàn bộ diện tích rừng và trồng lại rừng trong vụ trồng rừng kế tiếp.

**Câu 2.** Ở các khu vực miền núi của nước ta, một số người dân vào rừng đốt lửa để khai thác mật ong. Sau đây là một số nhận định:

a) Mật ong rừng là một loại tài nguyên rừng vì vậy cần được bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi khai thác mật ong của người dân.

b) Việc người dân đốt lửa để khai thác mật ong cần được khuyến khích nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế từ khai thác tài nguyên rừng.

c) Đốt lửa để khai thác mật ong có thể dẫn đến suy thoái tài nguyên rừng nên cần phải nghiêm cấm.

d) Người dân được phép khai thác mật ong rừng nhưng phải sử dụng biện pháp hợp lý để không ảnh hưởng đến đàn ong và các tài nguyên rừng khác.

## **BÀI 8. VAI TRÒ VÀ TRIỂN VỌNG CỦA THỦY SẢN**

### **PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án**

**Câu 1.** Nhận định nào sau đây là sai về xu hướng phát triển của ngành thủy sản?

- A. Phát triển thủy sản bền vững gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản,
- B. Tăng tỉ trọng sản lượng từ nuôi trồng thủy sản, giảm tỉ trọng sản lượng từ khai thác thủy sản.
- C. Khai thác các loài nguy cấp, quý, hiếm.
- D. Phát triển các sản phẩm thủy sản được chứng nhận thực hành nuôi tốt như VietGAP, GlobalGAP,...

**Câu 2.** Nhận định nào sau đây là không đúng về vai trò của thủy sản?

- A. Cung cấp thực phẩm cho con người.
- B. Cung cấp nguyên liệu cho chế biến thực phẩm.
- C. Cung cấp nguyên liệu cho thức ăn chăn nuôi.
- D. Cung cấp lương thực.

**Câu 3.** Phát biểu nào đúng khi nói về vai trò của thủy sản đối với đời sống con người?

- A. Cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein cho con người.
- B. Cung cấp nguyên liệu cho trồng trọt công nghệ cao.
- C. Cung cấp thịt, cá, trứng, sữa cho các nhà máy chế biến.
- D. Cung cấp lương thực cho xuất khẩu.

**Câu 4.** Phát biểu nào không đúng khi nói về vai trò của thủy sản với nền kinh tế và đời sống xã hội?

- A. Cung cấp nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu.
- B. Đảm bảo an ninh lương thực và phát triển bền vững.
- C. Cung cấp nguồn thực phẩm cho con người.
- D. Tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động.

**Câu 5.** Hoạt động nào phù hợp nhất khi nói về vai trò của thủy sản đối với bảo vệ chủ quyền biển đảo và đảm bảo an ninh quốc phòng?

- A. Khai thác thủy sản làm nguyên liệu sản xuất dược, mỹ phẩm.
- B. Chế biến thủy sản và xuất khẩu.
- C. Nuôi trồng thủy sản đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho con người.
- D. Tàu cá treo cờ Tổ quốc khi khai thác thủy sản xa bờ.

**Câu 6.** Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, triển vọng của ngành thủy sản nước ta trong thời gian tới là

- A. đưa nước ta trở thành một trong ba nước xuất khẩu thủy sản dẫn đầu thế giới.
- B. tăng tỉ lệ nuôi và tăng tỉ lệ khai thác thủy sản.
- C. đưa nước ta trở thành quốc gia khai thác thủy sản dẫn đầu thế giới.
- D. phát triển đảm bảo lao động thủy sản có mức thu nhập cao nhất cả nước.

**Câu 7.** Cho các nhận định về vai trò của thủy sản như sau:

- (1) Cung cấp thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.
- (2) Phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người lao động.

- (3) Cung cấp thịt, cá, trứng, sữa cho con người.
- (4) Đảm bảo an ninh quốc phòng và chủ quyền biển đảo.
- (5) Cung cấp nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu.

Các nhận định đúng là:

- A. (1), (2), (4), (5).
- B. (1), (3), (4), (5).
- C. (1), (2), (3), (4).
- D. (2), (3), (4), (5).

**Câu 8.** Phát biểu nào sai khi nói về xu hướng phát triển của thủy sản ở Việt Nam và trên thế giới?

- A. Phát triển thủy sản bền vững cần giảm tỉ lệ nuôi, tăng tỉ lệ khai thác.
- B. Áp dụng công nghệ cao để phát triển bền vững.
- C. Hướng tới nuôi trồng theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP.
- D. Phát triển bền vững gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

**Câu 9.** Có những yêu cầu cơ bản đối với người lao động trong ngành thủy sản như sau:

- (1) Yêu thiên nhiên, yêu thích sinh vật, có kiến thức cơ bản về lĩnh vực thủy sản.
- (2) Tuân thủ an toàn lao động và có ý thức bảo vệ môi trường.
- (3) Thích sưu tầm các loài sinh vật quý, hiếm.
- (4) Có sức khỏe tốt, chăm chỉ, chịu khó, có trách nhiệm cao trong công việc.

Các nhận định đúng là:

- A. (1), (3), (4).
- B. (1), (2), (4).
- C. (2), (3), (4).
- D. (1), (2), (3).

**Câu 10.** Phát biểu nào không đúng khi nói về ý nghĩa của việc áp dụng công nghệ cao trong nuôi và khai thác thủy sản?

- A. Góp phần phát triển thủy sản bền vững.
- B. Bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- C. Hạn chế được dịch bệnh, nâng cao hiệu quả nuôi trồng.
- D. Khai thác tận diệt nguồn lợi thủy sản.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.** Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập nhóm về tìm hiểu “Xu hướng phát triển thủy sản ở Việt Nam và trên thế giới”, một bạn học sinh nêu vấn đề cần trao đổi như sau:

- a) Phát triển thủy sản bền vững gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản là xu hướng phát triển của hầu hết các quốc gia trên thế giới.
- b) Phát triển thủy sản bền vững cần tăng tỉ lệ nuôi, giảm tỉ lệ khai thác.
- c) Nuôi trồng thủy sản bền vững bắt buộc phải tuân theo tiêu chuẩn VietGAF GlobalGAP.
- d) Phát triển công nghệ nuôi thủy sản thông minh, nuôi thủy sản an toàn thực phẩm thân thiện với môi trường giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đồng thời giảm thiểu tác động đến môi trường.

**BÀI 9. CÁC NHÓM THỦY SẢN VÀ MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC NUÔI PHỔ BIẾN**  
**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án**

**Câu 1.** Phương thức nuôi trồng thủy sản nào dưới đây phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn thức ăn thủy sản do người nuôi cung cấp?

- A. Nuôi trồng thủy sản thâm canh. B. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh.  
C. Nuôi trồng thủy sản quảng canh. D. Nuôi trồng thủy sản quảng canh cải tiến.

**Câu 2.** Loại thủy sản nào sau đây sống trong môi trường nước mặn, lợ?

- A. Tôm đồng. B. Cá chép. C. Nghêu. D. Cá trắm cỏ.

**Câu 3.** Phương thức nuôi trồng thủy sản nào dưới đây có mật độ thả giống thấp nhất?

- A. Nuôi trồng thủy sản quảng canh. B. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh.  
C. Nuôi trồng thủy sản thâm canh. D. Nuôi trồng thủy sản siêu thâm canh.

**Câu 4.** Trong các hình thức nuôi sau đây, hình thức nào thường tích tụ nhiều chất hữu cơ trong nước hơn?

- A. Nuôi tôm trong rừng ngập mặn. B. Nuôi xen canh cá - lúa.  
C. Nuôi xen canh tôm - rong biển. D. Nuôi thâm canh đơn loài.

**Câu 5.** Loại thủy sản nào dưới đây thuộc nhóm động vật thân mềm?

- A. Cá chép. B. Bào ngư. C. Cua biển. D. Tôm sú.

**Câu 5.** Phương thức nuôi trồng thủy sản nào dưới đây có nguồn thức ăn phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên?

- A. Nuôi trồng thủy sản quảng canh. B. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh.  
C. Nuôi trồng thủy sản thâm canh. D. Nuôi trồng thủy sản siêu thâm canh.

**Câu 6.** Loài thủy sản nào dưới đây thuộc nhóm bản địa?

- A. Cá tầm. B. Cá hồi. C. Cá chép. D. Cá nheo

**Câu 7.** Dựa vào nguồn gốc, các loài thủy sản được phân loại thành các nhóm nào sau đây?

- A. Thủy sản nhập nội và thủy sản bản địa.  
B. Thủy sản ưa ẩm và thủy sản ưa lạnh.  
C. Thủy sản nước ngọt và thủy sản nước mặn.  
D. Thủy sản ăn thực vật và thủy sản ăn động vật.

**Câu 8.** Loài nào sau đây thuộc nhóm thủy sản nhập nội?

- A. Cá chép. B. Cá rô đồng. C. Ốc nhồi. D. Cá hồi vân.

**Câu 9.** Cá tầm, cá hồi vân thuộc nhóm thủy sản nào sau đây?

- A. Thủy sản bản địa. B. Thủy sản nhập nội.  
C. Thủy sản nhập khẩu. D. Thủy sản xuất khẩu.

**Câu 10.** Loài nào sau đây thuộc nhóm thủy sản bản địa?

- A. Cá chép, cá tra, ếch đồng, cá tầm. B. Cá hồi vân, cá chép, cá tra, ếch đồng.  
C. Cá chép, cá rô đồng, ếch đồng, cá diếc. D. Cá chép, cá tra, cá tầm, cá nheo Mĩ.

**Câu 11.** Loài thủy sản được nhập từ nước ngoài về nuôi ở Việt Nam được gọi là

- A. thủy sản bản địa. B. thủy sản nhập nội.  
C. thủy sản nước lợ. D. thủy sản nước ngọt.

**Câu 12.** Theo đặc tính sinh vật học, có những đặc điểm dùng để phân loại thủy sản như sau:

- (1) Theo tính ăn. (2) Theo đặc điểm cấu tạo.  
(3) Theo các yếu tố môi trường. (4) Theo sự phân bố.

Các nhận định đúng là:

- A. (1), (2), (4). B. (1), (2), (3). C. (1), (3), (4). D. (2), (3), (4).

**Câu 13.** Loài cá nào sau đây thuộc nhóm giáp xác?

- A. Cá rô phi. B. Ếch. C. Tôm thẻ chân trắng. D. Rong sụn.

**Câu 14.** Rùa biển, ba ba thuộc nhóm thủy sản nào sau đây?

A. Nhóm cá.                      B. Nhóm bò sát.                      C. Nhóm nhuyễn thể.                      D. Nhóm rong, tảo.

**Câu 15.** Loài thủy sản nào sau đây thuộc nhóm giáp xác?

A. Cá rô phi.                      B. Ba ba.                      C. Cua đồng.                      D. Rong sụn.

**Câu 16.** Sinh vật nào sau đây không thuộc nhóm cá nước ngọt?

A. Cá rô phi.                      B. Cá vược.                      C. Cá diếc.                      D. Cá chép.

**Câu 17.** Hàu, nghêu, vẹm, sò huyết, ốc nhồi, ốc hương là các loài đại diện của nhóm thủy sản nào sau đây?

A. Nhóm rong, tảo.                      B. Nhóm giáp xác.  
C. Nhóm động vật thân mềm.                      D. Nhóm bò sát và lưỡng cư.

**Câu 18.** Dựa vào phân loại thủy sản theo tính ăn, cá trắm cỏ thuộc nhóm nào?

A. Nhóm ăn tạp.                      B. Nhóm ăn thực vật.  
C. Nhóm ăn động vật.                      D. Nhóm ăn vi sinh vật.

**Câu 19.** Phát biểu nào không đúng khi phân loại thủy sản theo tính ăn?

A. Nhóm ăn tạp.                      B. Nhóm ăn vi sinh vật.  
C. Nhóm ăn động vật.                      D. Nhóm ăn thực vật.

**Câu 20.** Dựa vào phân loại thủy sản theo tính ăn, cá rô phi và cá trôi thuộc nhóm nào?

A. Nhóm ăn tạp.                      B. Nhóm ăn vi sinh vật.  
C. Nhóm ăn động vật.                      D. Nhóm ăn thực vật.

**Câu 21.** Động vật thủy sản nào sau đây thuộc nhóm thủy sản nước lạnh?

A. Cá tầm.                      B. Cá tra.                      C. Tôm càng xanh.                      D. Tôm sú.

**Câu 22.** Động vật thủy sản nào sau đây không thuộc nhóm thủy sản nước ấm?

A. Cá tra.                      B. Cá vược.                      C. Cá rô phi.                      D. Cá hồi vân.

**Câu 23.** Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh có đặc điểm là

A. dễ vận hành, quản lí, phù hợp với điều kiện kinh tế của người nuôi.  
B. chưa áp dụng công nghệ cao, năng suất thấp.  
C. năng suất và sản lượng thấp.  
D. vốn vận hành thấp, quản lí và vận hành khó khăn.

**Câu 24.** “Nuôi trồng thủy sản trong điều kiện kiểm soát được quá trình tăng trưởng và sản lượng của loài thủy sản nuôi thông qua việc cung cấp giống nhân tạo, thức ăn công nghiệp” là đặc điểm của phương thức nuôi trồng nào sau đây?

A. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh.                      B. Nuôi trồng thủy sản quảng canh.  
C. Nuôi trồng thủy sản siêu thâm canh.                      D. Nuôi trồng thủy sản thâm canh.

**Câu 25.** Trong các phương thức nuôi thủy sản ở Việt Nam hiện nay, phương thức nào thu được năng suất và hiệu quả kinh tế cao nhất?

A. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh.                      B. Nuôi trồng thủy sản quảng canh.  
C. Nuôi trồng thủy sản quảng canh cải tiến.                      D. Nuôi trồng thủy sản thâm canh.

**Câu 26.** Nuôi trồng thủy sản quảng canh có đặc điểm nào sau đây?

A. Dựa hoàn toàn vào nguồn thức ăn và con giống trong tự nhiên.  
B. Được cung cấp giống nhân tạo, thức ăn công nghiệp.  
C. Năng suất và sản lượng cao.

**D.** Dễ vận hành, quản lí sản xuất.

**Câu 27.** Trong các phương thức nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam, phương thức nuôi nào dựa hoàn toàn vào nguồn thức ăn và con giống trong tự nhiên?

**A.** Nuôi trồng thủy sản thâm canh.

**B.** Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh.

**C.** Nuôi trồng thủy sản siêu thâm canh.

**D.** Nuôi trồng thủy sản quảng canh.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.** Một nhóm học sinh được giao nhiệm vụ thuyết trình về chủ đề “Phân loại cá nhóm thủy sản”. Trước khi báo cáo, nhóm đã thảo luận để thống nhất một số nội dung còn vướng mắc. Sau đây là một số ý kiến:

**a)** Thủy sản bản địa là những loài thủy sản có nguồn gốc và phân bố trong môi trường tự nhiên tại Việt Nam.

**b)** Những loài thủy sản có thức ăn là cả động vật, thực vật và mùn bã hữu cơ như cá rô phi là nhóm thủy sản ăn động vật.

**c)** Dựa vào đặc điểm cấu tạo, có thể phân loại thủy sản thành 3 nhóm là nhóm cá nhóm bỏ sát, nhóm nhuyễn thể.

**d)** Cá hồi vân, cá tầm, cá chép, cá quả, cá rô phi là nhóm sống ở vùng ôn đới nước lạnh.

**Câu 1.** Khi thảo luận về các phương thức nuôi trồng thủy sản phổ biến, nhóm học sinh đưa ra một số ý kiến sau:

**a)** Diện tích ao, đầm nuôi thâm canh thường rất lớn.

**b)** Phương thức nuôi quảng canh cho năng suất cao, kiểm soát được các khâu trong quá trình nuôi.

**c)** Trong phương thức nuôi thâm canh, hệ thống nuôi có nguồn nước cấp và thoát nước hoàn toàn chủ động, đầy đủ các trang thiết bị, thuốc, hoá chất để phòng và xử lí bệnh.

**d)** Phương thức nuôi thâm canh có mật độ thả giống cao.

**Câu 2.** Nhà trường cho học sinh tham quan hai mô hình nuôi trồng thủy sản:

- Mô hình I: Nuôi trồng thủy sản quảng canh.

- Mô hình II: Nuôi trồng thủy sản thâm canh.

Trong nội dung báo cáo, học sinh đã nhận xét về hai mô hình như sau:

**a)** Thủy sản chịu tác động của các yếu tố như nhiệt độ, điều kiện khí hậu môi trường và kĩ thuật chăm sóc.

**b)** Thủy sản ở mô hình I sinh trưởng, phát triển kém, năng suất thấp hơn mô hình do hình thức nuôi này phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn thức ăn và con giống trong tự nhiên, ít được đầu tư về cơ sở vật chất.

**c)** Mô hình II được cung cấp đầy đủ giống, thức ăn các trang thiết bị hiện đại, thuốc hoá chất để phòng và xử lí bệnh nên thủy sản sinh trưởng tốt và cho năng suất cao ít nhiễm bệnh.

**d)** Vốn đầu tư lớn và yêu cầu kĩ thuật cao là ưu điểm của mô hình II.

## **BÀI 10. GIỚI THIỆU VỀ MÔI TRƯỜNG NUÔI THỦY SẢN**

### **PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án**

**Câu 1.** Trong các yêu cầu sau, đâu không phải là yêu cầu chính của môi trường nuôi thủy sản?

- A. Yêu cầu về thủy lí.
- B. Yêu cầu về thủy hoá.
- C. Yêu cầu về thủy sinh vật.
- D. Yêu cầu về thủy vực.

**Câu 2.** Khoảng nhiệt độ trong nước thích hợp để cá rô phi sinh trưởng phát triển là

- A. từ 25 đến 30 °C.
- B. từ 23 đến 28 °C.
- C. từ 18 đến 25 °C.
- D. từ 10 đến 39 °C.

**Câu 3.** Cho các yêu cầu nào sau đây:

- (1) Độ pH.
- (2) Hàm lượng NH<sub>3</sub>.
- (3) Độ trong và màu nước.
- (4) Hàm lượng oxygen hoà tan.
- (5) Độ mặn.

Các nhận định đúng về yêu cầu thủy hoá của môi trường nuôi thủy sản là:

- A. (1), (2), (4), (5).
- B. (1), (3), (4), (5).
- C. (1), (2), (3), (4).
- D. (2), (3), (4), (5).

**Câu 4.** Ý nào sau đây không phải là yêu cầu về thủy hoá của môi trường nước nuôi thủy sản?

- A. Độ pH.
- B. Hàm lượng NH<sub>3</sub>.
- C. Nhiệt độ nước.
- D. Hàm lượng oxygen hoà tan.

**Câu 5.** Yếu tố nào sau đây không phải là yêu cầu về thủy lí của môi trường nước nuôi thủy sản?

- A. Độ trong.
- B. Màu nước.
- C. Hàm lượng oxygen hoà tan.
- D. Nhiệt độ nước.

**Câu 6.** Độ trong và màu nước ao nuôi thủy sản chủ yếu do thành phần nào quyết định?

- A. Sự phân tán của sinh vật phù du, các chất hữu cơ, các hoá chất có màu.
- B. Sự phân tán của động vật phù du, các chất vô cơ, các hoá chất khác.
- C. Sự phân tán của thực vật phù du, các chất vô cơ, các hoá chất khác.
- D. Sự phân tán của động vật, các chất hữu cơ, các hoá chất khác.

**Câu 7.** Màu nước nuôi thủy sản phù hợp nhất cho các loài thủy sản nước ngọt là

- A. màu vàng cam.
- B. màu đỏ gạch.
- C. màu xanh nõn chuối.
- D. màu xanh rêu.

**Câu 8.** Màu vàng nâu là màu nước nuôi thích hợp cho nhóm loài thủy sản nào sau đây?

- A. Thủy sản nước ngọt.
- B. Thủy sản nước lợ và nước mặn.
- C. Thủy sản nước ngọt và nước lợ.
- D. Thủy sản nước ngọt và nước mặn.

**Câu 9.** Màu xanh nhạt là màu nước nuôi phù hợp nhất cho các loài thủy sản nước ngọt d sự phát triển của nhóm sinh vật nào?

- A. Tảo lam.
- B. Tảo lục.
- C. Tảo sillic.
- D. Tảo đỏ

**Câu 10.** Dựa vào tiêu chí nào người ta phân chia các loại môi trường: nước ngọt, nước lợ, nước mặn?

A. Độ trong.      B. Độ mặn.      C. Hàm lượng oxygen hoà tan.      D. Nhiệt độ.

**Câu 11.** Trong các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản, yếu tố nào là quan trọng nhất?

- A. Thời tiết, khí hậu.      B. Nguồn nước.  
C. Thổ nhưỡng.      D. Quá trình nuôi thủy sản.

**Câu 12.** Môi trường nước nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam hiện nay được chia thành các nguồn nước chính bao gồm:

- A. Môi trường nước ngọt và nước biển ven bờ.      B. Môi trường nước chảy và nước đứng.  
C. Môi trường nước ngọt và nước lợ.      D. Môi trường nước biển và nước máy

**Câu 13.** Hàm lượng oxygen hoà tan trong nước của các thủy vực nuôi thủy sản chủ yếu được cung cấp từ nguồn nào sau đây?

- A. Nguồn oxygen khí quyển.      B. Quang hợp của sinh vật phù du.  
C. Quang hợp của vi khuẩn lam.      D. Quang hợp của tảo lam.

**Câu 14.** Phát biểu nào không đúng khi nói về vai trò của thực vật thủy sinh trong ao nuôi thủy sản?

- A. Thực vật thủy sinh cung cấp oxygen hoà tan cho nước nhờ quá trình quang hợp.  
B. Thực vật thủy sinh cung cấp nơi trú ngụ cho động vật thủy sản.  
C. Thực vật thủy sinh cạnh tranh oxygen hoà tan với động vật thủy sản.  
D. Thực vật thủy sinh sẽ hấp thụ một số kim loại nặng làm giảm ô nhiễm nguồn nước.

**Câu 15.** Vai trò quan trọng nhất của sinh vật phù du trong ao nuôi thủy sản là

- A. cung cấp oxygen hoà tan cho nước.  
B. cung cấp nguồn thức ăn chính cho các loài thủy sản tự nhiên trong giai đoạn cá bột, ấu trùng.  
C. ổn định hệ sinh thái môi trường nuôi thủy sản.  
D. làm giảm các chất độc hại trong nước.

**Câu 16.** Phát biểu nào không đúng khi nói về vai trò của nhóm vi sinh vật có lợi trong ao nuôi thủy sản như *Bacillus*, *Lactobacillus*, *Nitrosomonas*?

- A. Chúng có khả năng phân giải thức ăn dư thừa.  
B. Chúng phân huỷ chất thải của thủy sản nuôi.  
C. Chúng có khả năng chuyển hoá một số khí độc thành chất không độc.  
D. Chúng có thể sinh ra các khí độc như  $\text{NH}_3$ ,  $\text{H}_2\text{S}$ .

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.** Nhà trường tổ chức cho học sinh đi trải nghiệm ở trại nuôi thủy sản, nhóm học sinh thảo luận về lựa chọn nguồn nước và điều kiện thổ nhưỡng để xây dựng trại nuôi để viết báo cáo thu hoạch. Sau đây là một số ý kiến thảo luận:

- a). Trại nuôi cần có nguồn nước cấp có chất lượng tốt và đảm bảo trữ lượng phù hợp.  
b) Tránh lựa chọn vị trí nuôi có nguồn nước bị xả thải từ dân cư, trong trọt và chăn nuôi.  
c) Trong ao, tuy nước luôn tiếp xúc với nền đáy nhưng không có sự trao đổi vật chất với nền đáy.  
d) Ao nuôi có nền đáy bị chua phèn không ảnh hưởng đến chất lượng nước ao.

**Câu 2.** Một nhóm học sinh được giao nhiệm vụ thuyết trình về chủ đề các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng môi trường nuôi thủy sản. Liên quan đến tác động thời tiết, khí hậu, các thành viên trong nhóm đưa ra một số ý kiến sau:

- a) Thời tiết, khí hậu ảnh hưởng đến mức nhiệt trung bình và biến động nhiệt độ theo các mùa trong năm.
- b) Các loài động vật thủy sản nói chung đều có khoảng nhiệt độ phù hợp cho sinh trưởng giống nhau.
- c) Việc xác định đối tượng nuôi không bị ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết, khí hậu.
- d) Mùa vụ thả nuôi và số vụ nuôi trong năm không bị ảnh hưởng bởi đặc trưng thời tiết, khí hậu.

**Câu 3.** Một nhóm học sinh được giao nhiệm vụ thuyết trình về chủ đề “Các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản”. Trước khi báo cáo, nhóm đã thảo luận thống nhất một số nội dung còn vướng mắc. Sau đây là một số ý kiến:

- a) Các nguồn nước khác nhau sẽ phù hợp với việc nuôi những nhóm thủy sản khác nhau.
- b) Các vùng địa lý khác nhau đều có các đặc điểm thổ nhưỡng giống nhau, chúng ảnh hưởng trực tiếp và thường xuyên tới môi trường nuôi thủy sản.
- c) Mỗi nhóm động vật thủy sản có khả năng sống sót, sinh trưởng và sinh sản ở cá khoảng nhiệt độ khác nhau.
- d) Đặc trưng thời tiết, khí hậu từng vùng khác nhau là cơ sở xác định đối tượng nuôi phù hợp, mùa vụ thả giống và số vụ nuôi trong năm.

**Câu 4.** Khi thực hành tập quan sát màu nước của một số ao thủy sản, nhóm học sinh đưa ra một số nhận định sau:

- a) Màu nước nuôi phù hợp nhất cho các loài thủy sản nước ngọt là màu xanh nhạt (xanh nõn chuối) do sự phát triển của tảo lục.
- b) Đối với các loài thủy sản nước lợ và nước mặn, màu nước nuôi thích hợp là vàng nâu (màu nước trà) và xanh rêu.
- c) Quan sát màu nước ao nuôi giúp đánh giá chính xác chất lượng nước, từ đó có biện pháp điều chỉnh kịp thời, tạo điều kiện tốt nhất cho tôm, cá sinh trưởng, phát triển.
- d) Các màu nước không phù hợp cho nuôi thủy sản như nước có màu xanh rêu, màu vàng cam, màu đỏ gạch.

## **BÀI 11. QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI THỦY SẢN**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án**

**Câu 1.** Khi độ pH trong ao nuôi giảm thấp, biện pháp xử lý nào sau đây là không phù hợp?

- A. Sử dụng nước vôi trong hoặc nước soda để trung hoà H trong nước.
- B. Tăng cường độ sục khí để tạo điều kiện khuếch tán CO<sub>2</sub> ra ngoài không
- C. Quản lý tốt độ trong và mật độ tảo để giảm biến động pH trong nước.
- D. Bổ sung một số hoá chất có tính acid như citric acid, phèn nhôm.

**Câu 2.** Trong ao nuôi thủy sản, biện pháp xử lý thích hợp để làm giảm ô nhiễm môi trường do dư thừa thức ăn và chất thải của thủy sản là

A. sử dụng hoá chất tăng oxygen.

B. định kì siphon kết hợp với thay nước để loại bỏ thức ăn thừa, phân thải ra khỏi hệ thống nuôi.

C. bổ sung một số hoá chất có tính acid như citric acid, phèn nhôm.

D. tăng mật độ nuôi.

**Câu 3.** Khi độ mặn trong ao nuôi giảm thấp, cần xử lí như thế nào?

A. Cần tiến hành thay nước.

B. Bổ sung nước ngọt.

C. Cần tháo bớt nước trên tầng mặt.

D. Sục khí hoặc quạt nước.

**Câu 4.** Phát biểu nào không đúng khi nói về vai trò của việc quản lí môi trường nuôi thủy sản?

A. Duy trì điều kiện sống ổn định, phù hợp cho động vật thủy sản sinh trưởng phát triển.

B. Tăng cường sự phát sinh ô nhiễm môi trường trên diện rộng.

C. Giảm chi phí xử lí ô nhiễm môi trường trong nuôi thủy sản.

D. Đảm bảo các thông số môi trường trong khoảng phù hợp cho từng đối tượng nuôi

**Câu 5.** Cho các vai trò sau:

(1) Ngăn ngừa sự phát sinh ô nhiễm môi trường trên diện rộng.

(2) Đảm bảo các thông số môi trường trong khoảng phù hợp cho từng đối tượng nuôi.

(3) Tăng cường các tác động xấu đến sức khỏe con người.

(4) Duy trì điều kiện sống ổn định, phù hợp cho động vật thủy sản sinh trưởng phát triển.

(5) Tăng chi phí xử lí ô nhiễm môi trường trong nuôi thủy sản.

Có bao nhiêu vai trò đúng khi nói về vai trò của việc quản lí môi trường nuôi thủy sản:

A. 3.

B. 2

C. 1

D. 4

**Câu 6.** Phát biểu nào không đúng khi mô tả về các giai đoạn cần phải có biện pháp quản lí nguồn nước ao nuôi thủy sản?

A. Quản lí nguồn nước trước khi thu hoạch.

B. Quản lí nguồn nước trong quá trình nuôi.

C. Quản lí nguồn nước sau khi nuôi.

D. Quản lí nguồn nước trước khi nuôi.

**Câu 7.** Biện pháp nào **không** phù hợp để xử lí nguồn nước bị ô nhiễm sau khi nuôi thủy sản?

A. Đưa nước thải vào bể lắng, lọc.

B. Xử lí nước thải bằng hoá chất phù hợp.

C. Xử lí nước thải bằng các chế phẩm sinh học.

D. Thay nước nhanh và nhiều lần trong ngày.

**Câu 8.** Trong quá trình nuôi, người nuôi định kì đo độ mặn, độ pH, hàm lượng oxyge hoà tan và hàm lượng NH<sub>3</sub> trong môi trường nuôi thủy sản, đây là biện pháp quản thuộc phạm vi nào?

A. Quản lí các yếu tố thủy sinh.

B. Quản lí các yếu tố thủy hoá.

C. Quản lí các yếu tố thủy lí.

D. Quản lí các yếu tố thủy vực.

**Câu 9.** Khi nuôi thủy sản trong ao, vì sao sau mỗi vụ nuôi cần phải thay nước?

A. Nguồn nước bị ô nhiễm và có thể lây lan mầm bệnh.

B. Nguồn nước dư thừa chất dinh dưỡng.

C. Nguồn nước có quá ít vi sinh vật gây hại.

D. Nguồn nước có độ pH và độ mặn phù hợp.

**Câu 10.** Hệ thống sục khí, quạt nước trong quá trình nuôi thủy sản là biện pháp để điều chỉnh yếu tố nào của ao nuôi thủy sản?

A. Độ pH.

B. Hàm lượng oxygen hoà tan.

C. Độ mặn

D. Hàm lượng  $\text{NH}_3$ .

**Câu 14.** Biện pháp nào sau đây **không** phù hợp để giúp tăng cường oxygen cho hệ thống nuôi?

A. Quản lý tốt mật độ tảo trong ao, từ đó quang hợp của tảo sẽ cung cấp oxygen cho ao nuôi.

B. Sử dụng sục khí, quạt nước giúp tăng khả năng khuếch tán oxygen vào nước.

C. Sử dụng hoá chất tăng oxygen.

D. Sử dụng nước **vôi** trong hoặc soda để trung hoà  $\text{H}^+$  trong nước.

**Câu 15.** Khi độ mặn trong ao nuôi giảm thấp, cần xử lý như thế nào?

A. Cần tiến hành thay nước.

B. Bổ sung nước ngọt.

C. Cần tháo bớt nước trên tầng mặt.

D. Sục khí hoặc quạt nước.

**Câu 16.** Khi độ mặn trong ao nuôi quá cao, cần xử lý như thế nào?

A. Cần tiến hành thay nước hoặc bổ sung nước ngọt.

B. Sục khí hoặc quạt nước.

C. Bổ sung một số hoá chất có tính acid.

D. Cần tháo bớt nước trên tầng mặt.

**Câu 17.** Thay nước sau mỗi vụ nuôi thủy sản nhằm mục đích nào sau đây:

(1) Tăng cường độ trong của nước ao nuôi.

(2) Cung cấp hàm lượng muối, dinh dưỡng.

(3) Loại bỏ các vi sinh vật có lợi.

(4) Tăng hàm lượng oxygen hoà tan.

(5) Điều chỉnh độ pH; giảm chất độc  $\text{H}_2\text{S}$ ,  $\text{NH}_3$  phân huỷ do thức ăn thừa.

Các nhận định đúng là:

A. (1), (2), (3), (4). B. (1), (3), (4), (5). C. (1), (2), (4), (5). D. (1), (2), (3), (5).

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.** Trong giai đoạn ương nuôi tôm, có một số ý kiến về quá trình cho và quản lý môi trường nuôi như sau:

a) Lượng thức ăn kích cỡ viên thức ăn cho tôm cần thay đổi phù hợp với từng giai đoạn phát triển của tôm.

b) Tình trạng bắt mồi của tôm cần được kiểm tra bằng cách sử dụng sàng cho ăn.

c) Thay khoảng 70% nước hằng ngày để đảm bảo chất lượng nước.

d) Thường xuyên kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng nước để có biện pháp xử lý kịp thời.

**Câu 2.** Khi tìm hiểu về nguồn phát sinh chất thải trong ao nuôi, sau đây là một số nhận định:

a) Thức ăn thừa và thức ăn bị tan rã sẽ tạo ra chất thải trong ao.

b) Mật độ nuôi càng thấp thì chất thải tạo ra càng nhiều.

c) Quá trình bài tiết của động vật thủy sản tạo ra chất thải trong nước.

d) Các chất thải từ thức ăn làm tăng hàm lượng oxygen trong nước.

**Câu 3.** Sau khi đi thực tế hướng nghiệp ở trại nuôi tôm, nhóm học sinh được giao nhiệm vụ thảo luận để viết bài thu hoạch nhóm về quản lý môi trường nuôi, sau đây là một nhận định:

a) Trước khi sử dụng cho nuôi thủy sản, cần quan trắc một số thông số thủy lý, thủy hoá cơ bản của nguồn nước để đảm bảo chất lượng nước đạt yêu cầu.

b) Nước được cấp trực tiếp từ kênh mương tự nhiên vào ao nuôi không cần qua ao chứa.

**c)** Có thể sử dụng đồng thời hoá chất diệt khuẩn và chế phẩm sinh học đẩy nhanh quá trình gây màu nước.

**d)** Khi quản lý độ trong và màu nước ao nuôi phù hợp cũng gián tiếp quản lý được mật độ động, thực vật phù du và vi sinh vật trong nước.

**Câu 4.** Khi học sinh tiến hành bài: “Thực hành đo một số chỉ tiêu của của nước nuôi thủy sản” tại phòng thí nghiệm như đo độ mặn, độ pH và hàm lượng oxygen hoà tan. Giáo viên cần tổ chức cho học sinh tiến hành thí nghiệm và nêu một số vấn đề cần thảo luận như sau:

**a)** Nước phải được lấy tại các nguồn nước khác nhau.

**b)** Nếu lấy nước ở cùng một nguồn nước thì lấy tại các vị trí giống nhau.

**c)** Cần rửa sạch đầu cực đo bằng nước cất trước khi chuyển sang đo mẫu nước khác.

**d)** Cần đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

**ĐỀ MINH HỌA**

Mã đề: 221

Đề gồm: 04 trang

**PHẦN I.(6 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án đúng.**

**Câu 1:** Công tác bảo vệ rừng là nhiệm vụ của ai?

- A. Toàn dân.
- B. Tất cả mọi người và nhiều quốc gia trên thế giới.
- C. Chủ rừng.
- D. Ủy ban nhân dân các cấp.

**Câu 2:** Nội dung nào sau đây *không đúng* về ý nghĩa của việc bảo vệ và khai thác rừng?

- A. Bảo vệ môi trường sống cho nhiều loại động thực vật rừng.
- B. Bảo vệ đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gene các loài động thực vật quý hiếm.
- C. Duy trì diện tích, tài nguyên rừng.
- D. Mở rộng diện tích rừng, cải thiện đời sống người dân.

**Câu 3:** Nhiệm vụ của khai thác rừng bền vững là

- A. kết hợp bảo vệ, phát triển và khai thác hợp lý tài nguyên rừng.
- B. tuyên truyền, phổ biến giáo dục bảo vệ rừng.
- C. xây dựng và thực hiện phương án bảo vệ hệ sinh thái rừng.
- D. phòng cháy, chữa cháy, phòng trừ sinh vật gây hại rừng.

**Câu 4:** Nhận định nào sau đây *đúng* với thực trạng trồng và chăm sóc rừng của nước ta hiện nay?

- A. Phần lớn rừng trồng nhằm mục đích kinh tế, chưa ưu tiên trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.
- B. Trồng rừng nhằm mục đích che phủ bóng mát để trồng cây ngắn ngày.
- C. Phần lớn rừng trồng để phục vụ nghiên cứu khoa học.
- D. Trồng rừng để làm chất đốt và giảm tiếng ồn khu công nghiệp.

**Câu 5:** Để bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững, những hành vi nào sau đây cần nghiêm cấm?

- 1. Chặt phá, khai thác, lấn chiếm diện tích rừng.
- 2. Chăn thả gia súc vào khu rừng đặc dụng.
- 3. Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia.
- 4. Săn bắt, vận chuyển, mua bán các động vật rừng trái pháp luật.
- 5. Tăng diện tích trồng cây xanh để bảo vệ rừng.

- A. (1), (2), (3).      B. (2), (3), (5).      C. (1), (2), (4).      D. (2), (4), (5).

**Câu 6:** Những biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng gồm: **H**

- 1. Tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ rừng.
- 2. Phòng chống cháy rừng, khai thác động vật quý hiếm.

3. Xây dựng và bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên.
4. Khai thác rừng thường xuyên, triệt để.
5. Ngăn chặn mọi hành vi làm suy thoái tài nguyên rừng.

A. (1), (2), (3).                      B. (2), (3), (4).                      C. (3), (4), (5).                      D. (1), (3), (5).

**Câu 7:** Nhận định nào sau đây **không** đúng để giải thích cho việc “*nên làm cỏ, vun xới trước khi bón phân thúc*”?

- A. Tăng khả năng thoát nước.
- B. Làm cho đất tơi xốp.
- C. Phá bỏ nơi ẩn nấp của sâu bệnh hại.
- D. Trừ cỏ dại cạnh tranh thức ăn với cây rừng

**Câu 8:** Một số phương thức khai thác tài nguyên rừng phổ biến:

- A. Khai thác trắng, khai thác dần, khai thác chọn.
- B. Khai thác trắng, khai thác liên tục, khai thác dần.
- C. Khai thác trắng, khai thác chọn, khai thác lẻ tẻ.
- D. Khai thác dần, khai thác chọn, khai thác toàn bộ.

**Câu 9:** Cây rừng ra hoa lần thứ nhất thuộc giai đoạn nào trong quá trình sinh trưởng, phát triển của cây rừng?

- A. Gần thành thực.                      B. Thành thực.                      C. Non.                      D. Già cỗi.

**Câu 10:** Khai thác trắng là hình thức khai thác được thực hiện bằng cách:

- A. Chặt toàn bộ cây rừng ở khu vực nhất định với thời gian khai thác kéo dài.
- B. Chặt toàn bộ cây rừng ở một khu vực nhất định trong một mùa khai thác.
- C. Chặt các cây đã thành thực, giữ lại những cây non, kéo dài nhiều năm.
- D. Rừng được chọn chặt từng cây, kéo dài nhiều mùa, nhiều năm.

**Câu 11:** Rừng tái sinh theo phương thức khai thác chọn có đặc điểm nào sau đây?

- A. Thời kỳ tái sinh rừng rõ ràng, rừng mới tái sinh nhân tạo đều tuổi.
- B. Tái sinh rừng được tiến hành song song với khai thác nên đất luôn được che phủ.
- C. Rừng tái sinh không rõ ràng, rừng hình thành khác tuổi, nhiều tầng.
- D. Rừng tái sinh rõ ràng, nhiều tầng, nhiều lớp.

**Câu 12:** Thủy sản có vai trò như thế nào đối với đời sống con người và nền kinh tế?

- A. Cung cấp hàm lượng oxygen, chất đốt cho sản xuất.
- B. Tạo công ăn, việc làm cho người dân, cung cấp khí đốt.
- C. Cung cấp thực phẩm, nguyên liệu cho chế biến, xuất khẩu.
- D. Cải tạo môi trường sống, giúp ngư dân mở rộng biên giới biển đảo.

**Câu 13:** Ý nào sau đây *không đúng* với vai trò của thủy sản?

- A. Cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein cho con người.
- B. Phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người dân.
- C. Khai thác thủy sản xa bờ giúp khẳng định chủ quyền, biển đảo.
- D. Cung cấp nguyên liệu chế biến, kim loại cho ngành công nghiệp.

**Câu 14:** Ý nào *không phải* là triển vọng để phát triển ngành thủy sản ở nước ta?

- A. Người dân cần cù, chịu khó nhưng vị trí địa lý không thuận lợi.
- B. Đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao của con người.

C. Có lợi thế của điều kiện tự nhiên.

D. Nhờ có chính sách hỗ trợ của nhà nước trong khai thác, xuất khẩu.

**Câu 15:** Nội dung nào *không phải* là xu hướng phát triển thủy sản ở Việt Nam và trên thế giới?

A. Phát triển bền vững gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

B. Tăng tỉ lệ nuôi, giảm tỉ lệ khai thác.

C. Nuôi trồng theo tiêu chuẩn VietGap, GlobalGAP.

D. Áp dụng công nghệ cao trong giải phẫu.

**Câu 16:** Trong quá trình nuôi thủy sản nếu phát hiện nước trong ao nuôi có mùi hôi thì chúng ta nên làm gì?

A. Thay nước và loại bỏ bùn đáy.

B. Thêm thức ăn cho thủy sản.

C. Sục khí mạnh hơn.

D. Thay đổi loại thức ăn.

**Câu 17:** Nước thải sau nuôi thủy sản cần được quản lý như thế nào?

A. Thải trực tiếp ra kênh mương tự nhiên không cần xử lý.

B. Thu gom để xử lý trước khi thải ra ngoài kênh mương tự nhiên hoặc tái sử dụng cho vụ nuôi sau.

C. Bơm sang ao nuôi khác không cần xử lý

D. Chỉ thu gom để xử lý trong trường hợp ao nuôi nhiễm bệnh.

**Câu 18:** Trong phân loại nhóm thủy sản, yếu tố nào sau đây **không** theo đặc tính sinh vật học?

A. Đặc điểm cấu tạo.

B. Sinh sản.

C. Tính ăn.

D. Yếu tố môi trường.

**Câu 19:** Loài thủy sản bản địa là loài thủy sản: **H**

A. được du nhập và lai tạo thành.

B. được nhập từ nước ngoài về và nuôi dưỡng.

C. có nguồn gốc lai tạo và thuần dưỡng.

D. có trong môi trường tự nhiên, ở khu vực xác định.

**Câu 20:** Phương thức nào **không** phải là phương thức nuôi thủy sản ở nước ta?

A. Nuôi luân canh.

B. Nuôi quảng canh.

C. Nuôi thâm canh.

D. Nuôi bán thâm canh.

**Câu 21:** Nuôi trồng thủy sản quảng canh là

A. dựa hoàn toàn vào nguồn thức ăn và con giống tự nhiên.

B. trong điều kiện kiểm soát được một phần về thức ăn và con giống.

C. trong điều kiện kiểm soát hoàn toàn về thức ăn và con giống.

D. kiểm soát hoàn toàn về nguồn thức ăn nhưng con giống tự nhiên.

**Câu 22:** Trong quá trình nuôi, nước vôi trong thường được bón vào ao trong trường hợp nào sau đây?

A. Độ mặn thấp.

B. Độ pH cao.

C. Độ mặn cao.

D. Độ pH thấp.

**Câu 23:** Khả năng chịu mặn của thủy sản được phân loại thành các loài nước ngọt, nước lợ, nước mặn là dựa vào?

A. Đặc điểm cấu tạo.

B. Tính ăn.

C. Yếu tố môi trường.

D. Nguồn gốc.

**Câu 24:** Đây là nhược điểm của phương thức nuôi thủy sản thâm canh?

A. Năng suất, sản lượng thấp, khó quản lý sản xuất.

- B. Chưa áp dụng được công nghệ cao, năng suất thấp.
- C. Rủi ro cao về dịch bệnh, năng suất, sản lượng thấp.
- D. Vốn đầu tư lớn, người nuôi phải nắm vững kỹ thuật.

**PHẦN II.(4 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1:** Học sinh sau khi tìm hiểu, quan sát một số mô hình nuôi thủy sản, các em có nhận định về môi trường nuôi thủy sản như sau:

- a) Mỗi loài thủy sản sẽ có yêu cầu về nhiệt độ môi trường nuôi khác nhau.
- b) Để duy trì và phát triển sinh vật phù du cần cung cấp thức ăn thường xuyên cho nó.
- c) Có thể sử dụng đồng thời hóa chất diệt khuẩn và chế phẩm sinh học đẩy nhanh quá trình gây màu nước.
- d) Hàm lượng oxygen trong nước ao thay đổi sẽ ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của thủy sản nuôi.

**Câu 2:** Sau khi tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản, sau đây là một số nhận định:

- a) Nguồn nước khác nhau sẽ mang những đặc điểm thủy lý, thủy hóa, thủy sinh khác nhau.
- b) Lưu động nguồn nước giúp hệ sinh thái nuôi duy trì ở trạng thái mở với môi trường bên ngoài, tuy nhiên cho nước lưu động thủy sản nuôi sẽ chậm lớn.
- c) Thỏ nhưỡng có ảnh hưởng trực tiếp và thường xuyên tới môi trường nuôi thủy sản.
- d) Quản lý thức ăn và xử lý chất thải trong ao nuôi là việc làm không cần thiết

**Câu 3.** Để góp phần bảo vệ tài nguyên rừng bền vững, một nhóm học sinh đã thảo luận và đề xuất cần nghiêm cấm một số hành vi như sau:

- a) Chăn thả gia súc ở khu vực bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, rừng mới trồng.
- b) Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên như vườn quốc gia, khu bảo tồn loài sinh cảnh.
- c) Đốt rừng lấy đất trồng cây công nghiệp và cây ăn quả.
- d) Săn bắt, nuôi nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng.

**Câu 4.** Một nhóm học sinh thảo luận về những việc nên làm để hạn chế suy thoái tài nguyên rừng, sau khi thảo luận đã đưa ra các việc nên làm như sau:

- a) Giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật để giúp nâng cao sự gắn bó, quyền lợi và trách nhiệm của chủ rừng.
- b) Tăng cường khai thác tài nguyên rừng phục vụ phát triển kinh tế.
- c) Xây dựng các khu bảo tồn, vườn quốc gia để bảo vệ các loài động vật, thực vật rừng quý hiếm.
- d) Tăng cường trồng cây công nghiệp và cây đặc sản ở những rừng có nguy cơ bị tàn phá.

----- **Hết** -----

*Học sinh không sử dụng tài liệu.*